

SỞ GD&ĐT NINH BÌNH
TRƯỜNG THPT NAM TRỰC

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026–2027
HỆ CÔNG LẬP
ĐỢT 1
TRƯỜNG THPT NAM TRỰC**

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH NINH BÌNH**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026-2027
TRƯỜNG THPT NAM TRỰC**

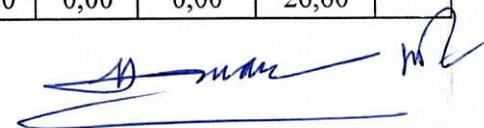
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày 19/6/2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình)

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
1	720001	CÔ THỊ HÀ AN	Nữ	16/06/2011	THCS Đồng Sơn	8,25	8,75	8,75	0,00	0,00	25,75	
2	720002	HOÀNG NGỌC LINH AN	Nữ	08/07/2011	TH&THCS Nam Toàn	8,50	8,50	6,10	0,00	0,00	23,10	
3	720003	MAI NGUYỄN BẢO AN	Nữ	04/12/2011	THCS Nghĩa An	7,50	8,50	4,35	0,00	1,50	21,85	
4	720004	PHẠM THIÊN AN	Nam	05/10/2011	THCS Hồng Quang	9,75	7,25	5,95	0,00	0,00	22,95	
5	720005	BÙI NGỌC CHÂU ANH	Nữ	28/01/2011	THCS Nam Giang	9,00	8,50	9,55	0,00	0,00	27,05	
6	720006	BÙI QUỲNH ANH	Nữ	05/01/2011	THCS Nam Dương	7,75	8,25	7,70	0,00	0,00	23,70	
7	720007	BÙI THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	13/08/2011	THCS Nam Cường	6,75	8,00	6,70	0,00	0,00	21,45	
8	720008	CAO LÂM ANH	Nữ	15/09/2011	THCS Nam Giang	7,75	8,50	7,35	0,00	0,00	23,60	
9	720009	CHU THỊ KIỀU ANH	Nữ	31/01/2011	THCS Bình Minh	7,00	8,75	5,60	0,00	0,00	21,35	
10	720010	ĐÀM THỊ HẢI ANH	Nữ	13/10/2011	THCS Nam Giang	8,50	8,50	7,05	0,00	0,00	24,05	
11	020533	ĐAN NGUYỄN ANH	Nữ	25/02/2011	THCS Nam Giang	8,50	7,75	9,90	0,00	0,00	26,15	
12	720011	ĐẶNG HOÀNG ANH	Nam	13/03/2011	THCS Nam Giang	8,25	7,75	8,25	0,00	0,00	24,25	
13	720012	ĐOÀN ĐỨC ANH	Nam	30/06/2011	THCS Nguyễn Hiền	7,75	8,25	7,80	0,00	0,00	23,80	
14	720013	ĐOÀN ĐỨC ANH	Nam	26/07/2011	THCS Nam Giang	8,00	8,25	8,20	0,00	0,00	24,45	
15	720014	ĐOÀN THỊ KIỀU ANH	Nữ	22/10/2011	THCS Nam Cường	6,75	8,50	7,40	0,00	0,00	22,65	
16	720015	ĐOÀN THỊ LAN ANH	Nữ	06/06/2011	THCS Nam Cường	8,75	9,00	9,30	0,00	0,00	27,05	
17	020006	ĐOÀN THỊ NGỌC ANH	Nữ	12/12/2011	THCS Nam Cường	9,50	8,75	8,85	0,00	0,00	27,10	
18	720016	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	28/02/2011	THCS Nam Giang	8,50	7,50	7,35	0,00	0,00	23,35	
19	720017	ĐOÀN THỊ VÂN ANH	Nữ	21/05/2011	THCS Nam Giang	8,25	8,25	7,60	0,00	0,00	24,10	
20	720018	ĐOÀN TUẤN ANH	Nam	22/03/2011	THCS Nam Giang	8,00	7,75	6,45	0,00	0,00	22,20	
21	720019	ĐỖ MINH ANH	Nữ	11/05/2011	THCS Hồng Quang	9,50	8,25	7,90	0,00	0,00	25,65	
22	720021	HOÀNG NGỌC ANH	Nữ	28/09/2011	THCS Nam Giang	8,75	8,00	8,15	0,00	0,00	24,90	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
23	021188	LÊ NGỌC ANH	Nữ	12/08/2011	THCS Nam Cường	8,50	8,75	9,20	0,00	0,00	26,45	
24	720022	NGÔ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	10/08/2011	THCS Nam Cường	8,50	8,75	7,30	0,00	0,00	24,55	
25	020009	NGUYỄN CAO TƯỜNG ANH	Nữ	13/03/2011	THCS Nam Giang	9,00	8,50	9,30	0,00	0,00	26,80	
26	720023	NGUYỄN DIỆP ANH	Nữ	06/06/2011	THCS Nam Dương	8,00	8,75	9,00	0,00	0,00	25,75	
27	720024	NGUYỄN LAN ANH	Nữ	15/02/2011	THCS Bình Minh	8,50	8,50	7,05	0,00	0,00	24,05	
28	020994	NGUYỄN NGỌC CHÂM ANH	Nữ	13/10/2011	THCS Nam Giang	9,00	8,75	9,35	0,00	0,00	27,10	
29	720027	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	19/09/2011	THCS Nghĩa An	8,00	8,50	7,45	0,00	0,00	23,95	
30	720029	NGUYỄN THỊ CHÂM ANH	Nữ	16/08/2011	THCS Bình Minh	9,00	8,75	8,50	0,00	0,00	26,25	
31	720030	NGUYỄN THỊ TUYẾT ANH	Nữ	28/02/2011	THCS Đồng Sơn	7,00	8,25	6,05	0,00	0,00	21,30	
32	720031	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Nữ	13/09/2011	THCS Nam Cường	8,50	9,00	9,10	0,00	0,00	26,60	
33	720032	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	24/04/2011	TH&THCS Nam Hùng	7,75	7,25	7,15	0,00	0,00	22,15	
34	720034	PHẠM NGỌC ANH	Nữ	14/10/2011	THCS Nam Dương	7,50	8,00	7,10	0,00	0,00	22,60	
35	720036	THIỀU PHƯƠNG ANH	Nữ	11/08/2011	THCS Nam Cường	8,50	7,75	8,45	0,00	0,00	24,70	
36	720037	TRẦN HÀ ANH	Nữ	27/01/2011	THCS Nam Dương	7,75	8,00	6,85	0,00	0,00	22,60	
37	720038	TRẦN THỊ HẢI ANH	Nữ	08/08/2011	THCS Nam Giang	8,50	8,25	9,20	0,00	0,00	25,95	
38	720039	TRƯƠNG NGỌC ANH	Nữ	25/10/2011	THCS Đồng Sơn	8,00	8,50	8,70	0,00	0,00	25,20	
39	720040	VŨ HÀ ANH	Nữ	14/08/2011	THCS Nam Cường	8,00	8,00	6,85	0,00	0,00	22,85	
40	720041	VŨ QUỲNH ANH	Nữ	26/08/2011	THCS Nam Cường	7,50	7,00	7,40	0,00	0,00	21,90	
41	021006	ĐOÀN NGUYỆT ÁNH	Nữ	01/08/2011	THCS Nam Cường	8,50	8,75	8,95	0,00	0,00	26,20	
42	720042	NGÔ MINH ÁNH	Nữ	04/01/2011	THCS Nam Tiến	9,00	8,25	7,80	0,00	0,00	25,05	
43	720043	NGUYỄN MINH ÁNH	Nữ	23/04/2011	THCS Nam Giang	8,00	7,50	7,05	0,00	0,00	22,55	
44	720046	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	07/02/2011	THCS Nam Dương	8,00	8,25	7,95	0,00	0,00	24,20	
45	720047	TRƯƠNG NGỌC ÁNH	Nữ	18/04/2011	THCS Đồng Sơn	7,50	8,50	5,95	0,00	0,00	21,95	
46	020018	VŨ HỒNG ÁNH	Nữ	24/12/2011	THCS Nam Giang	9,50	8,00	8,15	0,00	0,00	25,65	
47	020556	VŨ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	02/01/2011	THCS Nguyễn Hiền	9,00	8,00	10,00	0,00	0,00	27,00	
48	720048	VŨ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	12/05/2011	THCS Nam Dương	6,75	8,75	7,10	0,00	0,00	22,60	
49	720049	VŨ TIẾN BA	Nam	27/10/2011	TH&THCS Nam Hùng	7,50	8,00	6,35	0,00	0,00	21,85	

(Handwritten signature and initials)

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
50	720050	ĐOÀN GIA BẢO	Nam	09/06/2011	THCS Nam Dương	7,75	8,25	6,70	0,00	0,00	22,70	
51	720051	ĐOÀN QUANG BẢO	Nam	01/04/2011	THCS Nghĩa An	8,25	7,50	6,45	0,00	0,00	22,20	
52	720053	NGUYỄN DUY GIA BẢO	Nam	11/05/2011	THCS Nghĩa An	8,50	8,75	9,45	0,00	0,00	26,70	
53	720055	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	07/09/2011	THCS Nam Dương	8,00	8,00	7,20	0,00	0,00	23,20	
54	720056	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	12/11/2011	THCS Nam Dương	8,00	9,00	8,05	0,00	0,00	25,05	
55	720057	NGUYỄN THẾ BẢO	Nam	15/08/2011	THCS Nam Giang	8,00	7,50	7,60	0,00	0,00	23,10	
56	720058	NGUYỄN THIỆN BẢO	Nam	26/07/2011	THCS Nam Dương	8,50	8,25	6,95	0,00	0,00	23,70	
57	720059	NGUYỄN TRÍ BẢO	Nam	26/07/2011	THCS Nam Dương	8,50	8,00	7,70	0,00	0,00	24,20	
58	720060	PHẠM DUY BẢO	Nam	15/07/2011	THCS Nam Dương	8,00	7,50	8,00	0,00	0,00	23,50	
59	720061	PHẠM GIA BẢO	Nam	08/12/2011	THCS Nam Giang	8,25	8,00	8,20	0,00	0,00	24,45	
60	720062	TÔ GIA BẢO	Nam	18/08/2011	THCS Nam Giang	8,00	8,00	9,20	0,00	0,00	25,20	
61	020562	TRẦN HUY GIA BẢO	Nam	15/08/2011	THCS Nam Giang	8,75	7,75	9,30	0,00	0,00	25,80	
62	720063	VŨ GIA BẢO	Nam	31/08/2011	THCS Hồng Quang	9,50	7,50	8,75	0,00	0,00	25,75	
63	720064	VŨ GIA BẢO	Nam	26/12/2011	THCS Nam Cường	8,00	8,00	8,55	0,00	0,00	24,55	
64	720066	VŨ HẢI BĂNG	Nữ	05/06/2011	THCS Đồng Sơn	8,25	7,75	8,45	0,00	0,00	24,45	
65	720068	ĐOÀN THỊ HỒNG BÍCH	Nữ	27/05/2011	THCS Nam Giang	8,25	8,50	8,15	0,00	0,00	24,90	
66	720069	TRẦN VIỆT CẢNH	Nam	08/01/2011	THCS Nam Dương	8,50	8,75	7,20	0,00	0,00	24,45	
67	720070	ĐINH BẢO CHÂM	Nữ	02/12/2011	THCS Nghĩa An	8,50	7,75	7,45	0,00	0,00	23,70	
68	720071	ĐOÀN BẢO CHÂU	Nam	01/01/2011	THCS Nam Giang	8,50	7,25	7,90	0,00	0,00	23,65	
69	720072	NGUYỄN THỊ BẢO CHÂU	Nữ	10/09/2011	THCS Nam Giang	8,00	8,50	7,45	0,00	0,00	23,95	
70	720073	ĐOÀN KHÁNH CHI	Nữ	06/04/2011	THCS Nam Giang	7,50	7,00	8,10	0,00	0,00	22,60	
71	720074	NGUYỄN LINH CHI	Nữ	12/12/2011	THCS Nam Giang	8,25	8,00	8,35	0,00	0,00	24,60	
72	720075	NGUYỄN NGỌC BẢO CHI	Nữ	16/07/2011	THCS Nam Giang	8,50	8,00	9,35	0,00	0,00	25,85	
73	720076	VŨ BẢO CHI	Nữ	11/04/2011	THCS Nam Giang	8,00	6,75	7,00	0,00	0,00	21,75	
74	720077	VŨ THỊ PHƯƠNG CHI	Nữ	14/07/2011	THCS Nam Cường	8,00	8,00	9,05	0,00	0,00	25,05	
75	720078	ĐOÀN MẠNH CHIẾN	Nam	20/12/2011	THCS Nam Giang	8,00	7,50	7,65	0,00	0,00	23,15	
76	720079	TRẦN MINH CHIẾN	Nam	01/01/2011	THCS Nam Giang	9,50	8,00	9,10	0,00	0,00	26,60	



TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
77	720080	VŨ NGỌC CHIẾN	Nam	05/11/2011	THCS Đồng Sơn	8,75	7,75	7,90	0,00	0,00	24,40	
78	720081	TÔ THANH CHÚC	Nữ	16/10/2011	THCS Nam Cường	7,75	8,50	6,50	1,00	0,00	23,75	
79	720082	ĐỖ THÀNH CHUNG	Nam	24/01/2011	THCS Nghĩa An	7,50	8,25	6,00	0,00	0,00	21,75	
80	720083	ĐOÀN THÀNH CÔNG	Nam	06/10/2011	THCS Nghĩa An	9,50	8,25	7,65	0,00	0,00	25,40	
81	720084	NGUYỄN VĂN NGỌC CƯỜNG	Nam	10/03/2011	THCS Bình Minh	8,50	8,50	8,25	0,00	0,00	25,25	
82	720085	TRẦN QUỐC CƯỜNG	Nam	09/06/2011	THCS Đồng Sơn	7,75	8,50	7,30	0,00	0,00	23,55	
83	720086	VŨ MẠNH CƯỜNG	Nam	31/08/2011	THCS Nghĩa An	9,50	8,00	5,25	0,00	0,00	22,75	
84	720087	TRẦN THỊ THU ĐIỂM	Nữ	22/09/2011	THCS Nam Dương	7,50	8,25	8,45	0,00	0,00	24,20	
85	720088	MAI NGỌC DIỆP	Nữ	24/01/2011	THCS Nguyễn Hiền	8,00	8,75	7,35	0,00	0,00	24,10	
86	720089	NGUYỄN NGỌC DIỆP	Nữ	27/10/2011	THCS Bình Minh	8,50	8,50	9,20	0,00	0,00	26,20	
87	720090	NGUYỄN NGỌC DIỆP	Nữ	24/06/2011	THCS Nam Giang	7,25	8,00	6,00	0,00	0,00	21,25	
88	720091	TRẦN NGUYỄN NGỌC DIỆP	Nữ	09/08/2011	THCS Nghĩa An	7,50	8,75	8,80	0,00	0,00	25,05	
89	720092	VŨ NGỌC DIỆP	Nữ	19/11/2011	THCS Nam Giang	7,50	7,75	6,30	0,00	0,00	21,55	
90	720093	ĐINH HUYỀN DIỆU	Nữ	21/09/2011	THCS Đồng Sơn	8,50	8,50	8,40	0,00	0,00	25,40	
91	720094	VŨ THỊ THẢO DIỆU	Nữ	21/11/2011	THCS Đồng Sơn	8,50	8,75	8,95	0,00	0,00	26,20	
92	720095	TẠ HOÀNG DOANH	Nam	12/07/2011	THCS Nam Giang	8,00	7,00	7,20	0,00	0,00	22,20	
93	720096	VŨ THÀNH DOANH	Nam	13/08/2011	THCS Đồng Sơn	8,00	8,25	5,05	0,00	0,00	21,30	
94	720097	VŨ PHƯƠNG DUNG	Nữ	11/08/2011	THCS Đồng Sơn	8,00	8,25	7,80	0,00	0,00	24,05	
95	720099	CAO CÔNG DUY	Nam	20/09/2011	THCS Nam Cường	8,50	8,25	8,30	0,00	0,00	25,05	
96	720100	NGUYỄN DUY DUY	Nam	02/08/2011	THCS Hồng Quang	8,00	7,75	7,00	0,00	0,00	22,75	
97	720101	PHẠM ĐỨC DUY	Nam	16/12/2011	THCS Nam Dương	8,25	8,25	6,95	0,00	0,00	23,45	
98	720102	VŨ VĂN DUY	Nam	13/08/2011	THCS Nghĩa An	9,00	8,25	7,90	0,00	0,00	25,15	
99	720103	NGUYỄN PHẠM KHÁNH DUYÊN	Nữ	21/04/2011	THCS Nam Cường	8,75	8,50	7,90	0,00	0,00	25,15	
100	720104	TỔNG THỊ NGỌC DUYÊN	Nữ	03/09/2011	THCS Đồng Sơn	8,25	8,25	7,45	0,00	0,00	23,95	
101	720105	TRẦN THỊ HỒNG DUYÊN	Nữ	09/02/2011	THCS Nam Giang	9,00	8,75	8,75	0,00	0,00	26,50	
102	720106	ĐOÀN NGUYỄN DỰ	Nam	29/03/2011	THCS Nam Cường	9,00	8,25	8,65	0,00	0,00	25,90	
103	720107	CÔ HUY DƯƠNG	Nam	07/08/2011	THCS Đồng Sơn	8,75	8,50	8,65	0,00	0,00	25,90	

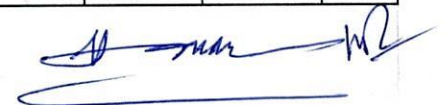
Handwritten signature and date: 15/11

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
104	720108	CÔ THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	27/01/2011	THCS Đồng Sơn	9,00	8,50	8,95	0,00	0,00	26,45	
105	720109	HẠ BÁ NAM DƯƠNG	Nam	17/12/2011	THCS Nam Dương	7,50	8,25	7,45	0,00	0,00	23,20	
106	720110	NGUYỄN ĐOÀN ÁNH DƯƠNG	Nữ	26/11/2011	THCS Nghĩa An	8,75	8,50	8,40	0,00	0,00	25,65	
107	720111	ĐOÀN LIN ĐAN	Nữ	23/04/2011	THCS Nguyễn Hiền	8,50	8,00	6,35	0,00	0,00	22,85	
108	720112	HOÀNG TIẾN ĐẠT	Nam	29/06/2011	THCS Nguyễn Hiền	9,00	8,50	8,15	0,00	0,00	25,65	
109	720113	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	09/01/2011	THCS Bình Minh	9,25	8,50	8,75	0,00	0,00	26,50	
110	720114	TRẦN TIẾN ĐẠT	Nam	09/09/2011	THCS Nam Giang	8,50	8,25	8,30	0,00	0,00	25,05	
111	720115	VŨ TUẤN ĐẠT	Nam	07/05/2011	THCS Đồng Sơn	9,50	8,25	8,70	0,00	0,00	26,45	
112	720116	DƯƠNG HẢI ĐĂNG	Nam	27/01/2011	THCS Nam Giang	8,75	7,00	8,60	0,00	0,00	24,35	
113	720118	PHẠM ĐĂNG ĐỊNH	Nam	03/06/2011	THCS Nam Giang	8,50	7,75	8,80	0,00	0,00	25,05	
114	720119	LÊ THÀNH ĐÔ	Nam	30/06/2011	THCS Nam Cường	9,00	8,25	8,25	0,00	0,00	25,50	
115	720120	ĐOÀN ANH ĐÔNG	Nam	28/11/2011	THCS Nam Cường	8,50	8,00	8,85	0,00	0,00	25,35	
116	720121	NGUYỄN DUY ĐỨC	Nam	07/08/2011	THCS Hồng Quang	9,00	7,50	7,60	0,00	0,00	24,10	
117	020592	ĐẶNG CHÂU GIANG	Nữ	12/08/2011	THCS Nguyễn Hiền	9,00	8,50	9,90	0,00	0,00	27,40	
118	720122	ĐOÀN HOÀNG ANH GIANG	Nam	01/03/2011	THCS Nam Giang	8,75	7,50	6,85	0,00	0,00	23,10	
119	720123	LÊ NGUYỄN HÀ GIANG	Nữ	09/09/2011	THCS Nam Giang	8,25	8,25	9,45	0,00	0,00	25,95	
120	720124	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	10/07/2011	THCS Nam Dương	8,00	8,50	7,15	0,00	0,00	23,65	
121	720125	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	29/06/2011	THCS Nguyễn Hiền	9,25	9,25	8,65	0,00	0,00	27,15	
122	720126	TRẦN HƯƠNG GIANG	Nữ	27/07/2011	THCS Nam Dương	8,25	9,00	8,05	0,00	0,00	25,30	
123	720127	NGUYỄN THỊ HÀ	Nữ	05/08/2011	THCS Nam Giang	8,50	8,00	7,70	0,00	0,00	24,20	
124	720128	PHẠM NGỌC HÀ	Nữ	12/02/2011	THCS Nam Dương	8,50	8,75	8,75	0,00	0,00	26,00	
125	720130	ĐOÀN TRỌNG HẢI	Nam	07/08/2011	TH&THCS Nam Hùng	8,25	8,25	7,85	0,00	0,00	24,35	
126	720131	NGUYỄN TRƯỜNG HẢI	Nam	12/08/2011	THCS Nam Dương	7,25	7,75	7,20	0,00	0,00	22,20	
127	720132	TRẦN TRƯỜNG HẢI	Nam	09/10/2011	THCS Nam Giang	7,75	7,50	7,35	0,00	0,00	22,60	
128	720133	LÊ MỸ HẠNH	Nữ	02/01/2011	THCS Nguyễn Hiền	8,25	8,00	8,20	0,00	0,00	24,45	
129	720134	NGÔ THỊ HỒNG HẠNH	Nữ	04/03/2011	THCS Nam Giang	8,00	7,50	5,75	0,00	0,00	21,25	
130	720135	TÔ ĐÀO MỸ HẠNH	Nữ	04/01/2011	THCS Hồng Quang	7,50	7,50	6,95	0,00	0,00	21,95	

(Handwritten signature)

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
131	720136	TRẦN GIA HÀO	Nam	23/07/2011	THCS Nghĩa An	8,50	7,75	8,30	0,00	0,00	24,55	
132	720137	VŨ TRỌNG HÀO	Nam	24/06/2011	THCS Đồng Sơn	7,50	8,50	7,25	0,00	0,00	23,25	
133	720138	ĐOÀN THỊ THÚY HẰNG	Nữ	12/12/2011	THCS Nam Cường	9,00	8,25	9,20	0,00	0,00	26,45	
134	720139	VŨ THỊ HẢI HẰNG	Nữ	03/08/2011	THCS Hồng Quang	9,00	8,25	8,60	0,00	0,00	25,85	
135	720140	BÙI NGỌC HÂN	Nữ	26/09/2011	THCS Đồng Sơn	8,50	9,25	7,25	0,00	0,50	25,50	
136	720141	ĐẶNG TRẦN GIA HÂN	Nữ	19/07/2011	THCS Nam Giang	8,50	8,50	8,60	0,00	0,00	25,60	
137	720142	ĐOÀN THỊ NGỌC HÂN	Nữ	21/09/2011	THCS Nam Giang	8,00	7,50	8,20	0,00	0,00	23,70	
138	720143	NGUYỄN THỊ HIỀN	Nữ	15/05/2011	THCS Nghĩa An	8,50	7,75	6,80	0,00	0,00	23,05	
139	720144	NGUYỄN THỊ HIỀN	Nữ	13/10/2011	THCS Nghĩa An	8,00	7,50	7,50	0,00	0,00	23,00	
140	720145	VŨ THỊ THU HIỀN	Nữ	11/10/2011	THCS Nam Dương	8,25	8,25	6,85	0,00	0,00	23,35	
141	720146	PHAN HOÀNG HIỆP	Nam	01/05/2011	THCS Hồng Quang	8,00	7,75	7,85	0,00	0,00	23,60	
142	720148	BÙI NGỌC HIẾU	Nữ	29/04/2011	THCS Nam Dương	7,75	7,75	6,60	0,00	0,00	22,10	
143	020616	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	24/12/2011	THCS Nam Cường	7,75	7,25	9,80	0,00	0,00	24,80	
144	720149	TẠ THUYẾT HOA	Nữ	11/08/2011	THCS Nam Tiến	8,00	8,25	7,65	0,00	0,00	23,90	
145	720150	ĐOÀN THANH HOÀI	Nữ	22/09/2011	THCS Nam Giang	8,00	7,50	8,65	0,00	0,00	24,15	
146	720151	ĐOÀN VIỆT HOÀNG	Nam	14/02/2011	THCS Nam Giang	8,50	6,50	6,95	0,00	0,00	21,95	
147	020618	NGUYỄN CHÍ HOÀNG	Nam	30/06/2011	THCS Nam Giang	8,50	7,75	8,95	0,00	0,00	25,20	
148	720154	VŨ HUY HOÀNG	Nam	17/07/2011	THCS Đồng Sơn	9,00	8,50	8,30	0,00	0,00	25,80	
149	720155	BÙI THỊ HỒNG	Nữ	05/06/2011	THCS Nam Dương	8,50	8,75	8,60	0,00	0,00	25,85	
150	720156	TRẦN THỊ KIM HỒNG	Nữ	29/07/2011	THCS Nam Giang	7,75	6,50	7,80	0,00	0,00	22,05	
151	720157	VŨ THỊ MINH HỒNG	Nữ	09/08/2011	THCS Đồng Sơn	8,50	8,25	9,65	0,00	0,00	26,40	
152	720158	TRẦN THỊ HỒNG HUỆ	Nữ	19/02/2011	THCS Đồng Sơn	7,75	8,50	7,45	0,00	0,00	23,70	
153	720159	TÔNG MẠNH HÙNG	Nam	08/10/2011	THCS Đồng Sơn	8,50	8,25	8,40	0,00	0,00	25,15	
154	720161	CAO MINH HUY	Nam	27/05/2011	THCS Nguyễn Hiền	9,25	8,25	8,80	0,00	0,00	26,30	
155	720162	LÊ QUANG HUY	Nam	20/06/2011	THCS Nam Cường	8,50	8,25	6,10	0,00	0,00	22,85	
156	720163	LÊ TIỀN HUY	Nam	10/02/2011	THCS Hồng Quang	7,75	7,50	7,00	0,00	0,00	22,25	
157	720164	NGUYỄN VŨ GIA HUY	Nam	19/07/2011	THCS Nam Dương	8,25	7,75	9,90	0,00	0,00	25,90	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
158	720166	VŨ QUỐC HUY	Nam	26/09/2011	THCS Nam Dương	7,25	8,75	8,25	0,00	0,00	24,25	
159	720167	ĐOÀN BÍCH HUYỀN	Nữ	25/09/2011	THCS Nam Giang	8,25	7,00	8,20	0,00	0,00	23,45	
160	720168	ĐOÀN THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	30/09/2011	THCS Nam Giang	8,50	8,00	8,10	0,00	0,00	24,60	
161	720169	LÊ THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	16/09/2011	THCS Nam Giang	9,00	8,75	9,65	0,00	0,00	27,40	
162	720171	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	Nữ	21/07/2011	THCS Nam Giang	8,50	7,00	7,30	0,00	0,00	22,80	
163	720172	NGUYỄN THU HUYỀN	Nữ	14/03/2011	THCS Nam Tiến	8,50	7,50	8,05	0,00	0,00	24,05	
164	720173	NGUYỄN VŨ KHÁNH HUYỀN	Nữ	21/06/2011	TH&THCS Nam Toàn	7,50	8,50	8,40	0,00	0,00	24,40	
165	720174	PHẠM KHÁNH HUYỀN	Nữ	14/03/2011	THCS Nguyễn Hiền	8,00	8,00	8,40	0,00	0,00	24,40	
166	720175	PHẠM THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	08/01/2011	THCS Nam Giang	8,00	7,50	7,15	0,00	0,00	22,65	
167	720176	TÔ KHÁNH HUYỀN	Nữ	26/09/2011	THCS Hồng Quang	8,00	6,75	7,55	0,00	0,00	22,30	
168	720177	TRẦN THU HUYỀN	Nữ	25/09/2011	THCS Nam Dương	7,75	8,75	8,65	0,00	0,00	25,15	
169	720178	TRIỆU THỊ HUYỀN	Nữ	09/03/2011	THCS Đồng Sơn	8,00	8,50	8,95	0,00	0,00	25,45	
170	720179	TRỊNH THU HUYỀN	Nữ	15/09/2011	THCS Đồng Sơn	6,50	7,75	7,95	0,00	0,00	22,20	
171	720180	MAI TUẤN HÙNG	Nam	09/03/2011	THCS Lê Đức Thọ	8,50	8,00	9,65	0,00	0,00	26,15	
172	720181	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Nam	21/03/2011	THCS Hồng Quang	8,50	7,75	7,80	0,00	0,00	24,05	
173	720182	PHẠM QUỐC HÙNG	Nam	23/07/2011	THCS Nam Cường	8,50	8,25	7,55	0,00	0,00	24,30	
174	720183	PHẠM XUÂN HÙNG	Nam	04/05/2011	THCS Đồng Sơn	9,00	9,00	8,40	0,00	0,00	26,40	
175	720184	TẠ VIỆT HÙNG	Nam	04/08/2011	THCS Đồng Sơn	8,50	8,50	6,80	0,00	0,00	23,80	
176	720185	TRẦN DUY HÙNG	Nam	16/04/2011	THCS Đồng Sơn	8,50	8,00	7,80	0,00	0,00	24,30	
177	720186	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	Nữ	02/03/2011	THCS Nam Giang	8,50	7,25	8,15	0,00	0,00	23,90	
178	720187	NGUYỄN THU HƯƠNG	Nữ	06/09/2011	THCS Đồng Sơn	8,50	8,50	7,55	0,00	0,00	24,55	
179	720188	VŨ THỊ MAI HƯƠNG	Nữ	28/09/2011	THCS Nam Giang	8,50	7,50	7,55	0,00	0,00	23,55	
180	720189	VŨ THỊ THANH HƯƠNG	Nữ	19/06/2011	THCS Đồng Sơn	8,50	8,50	8,30	1,00	0,00	26,30	
181	720190	VŨ THU HƯƠNG	Nữ	05/05/2011	THCS Bình Minh	8,25	8,75	8,15	0,00	0,00	25,15	
182	720191	LÊ TRỌNG HỮU	Nam	08/11/2011	THCS Nam Giang	7,75	7,75	8,50	0,00	0,00	24,00	
183	020487	NGUYỄN QUANG KHẢI	Nam	21/05/2011	THCS Nguyễn Hiền	9,50	6,75	8,55	0,00	0,00	24,80	
184	720192	ĐOÀN KHÁNH KHANG	Nam	28/07/2011	TH&THCS Nam Hùng	8,50	8,00	7,20	0,00	0,00	23,70	



TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
185	720193	CAO TRẦN NGỌC KHÁNH	Nữ	21/07/2011	THCS Nam Giang	8,50	8,25	9,05	0,00	0,00	25,80	
186	720194	ĐOÀN KIM KHÁNH	Nữ	16/06/2011	THCS Nam Giang	9,00	7,75	8,75	0,00	0,00	25,50	
187	720195	LÊ DUY KHÁNH	Nam	30/09/2011	THCS Nam Cường	9,00	8,25	8,85	0,00	0,00	26,10	
188	720196	PHẠM NGỌC KHÁNH	Nam	04/01/2011	THCS Nam Phong	8,00	8,00	6,95	0,00	0,00	22,95	
189	720197	TỔNG DUY KHÁNH	Nam	23/07/2011	THCS Đồng Sơn	8,50	8,00	7,80	0,00	0,00	24,30	
190	720198	TRẦN QUỐC KHÁNH	Nam	10/11/2011	THCS Nam Giang	8,50	7,75	6,35	0,00	0,00	22,60	
191	720199	VŨ GIA KHÁNH	Nam	01/01/2011	THCS Nam Cường	8,75	8,50	8,35	0,00	0,00	25,60	
192	720200	VŨ NGỌC KHÁNH	Nữ	08/01/2011	THCS Đồng Sơn	7,75	8,75	8,85	1,00	0,00	26,35	
193	720202	LÊ THÀNH KHOA	Nam	11/06/2011	THCS Nam Dương	8,50	7,50	8,40	0,00	0,00	24,40	
194	720203	TRẦN ANH KHOA	Nam	25/09/2011	THCS Nghĩa An	8,00	7,50	5,80	0,00	0,00	21,30	
195	720204	TRẦN ĐĂNG KHOA	Nam	23/09/2011	THCS Nguyễn Hiền	8,50	6,50	8,20	0,00	0,00	23,20	
196	720205	TRẦN ĐĂNG KHOA	Nam	02/01/2011	THCS Nam Dương	8,00	8,50	7,20	0,00	0,00	23,70	
197	720206	CAO SĨ KIÊM	Nam	21/03/2011	THCS Nam Giang	8,50	7,50	6,85	0,00	0,00	22,85	
198	720207	ĐOÀN PHƯƠNG LAN	Nữ	18/07/2011	THCS Nghĩa An	9,00	8,25	8,40	0,00	0,00	25,65	
199	720208	NGUYỄN HƯƠNG LAN	Nữ	07/05/2011	THCS Đồng Sơn	7,75	8,75	7,90	0,00	0,00	24,40	
200	720209	NGUYỄN THỊ MAI LAN	Nữ	24/01/2011	THCS Đồng Sơn	8,50	8,75	8,60	0,00	0,00	25,85	
201	720210	TẠ THỊ HỒNG LAN	Nữ	21/06/2011	THCS Đồng Sơn	8,50	8,25	7,80	0,00	0,00	24,55	
202	720211	ĐOÀN NGỌC LÂM	Nam	17/11/2011	THCS Nam Dương	7,00	8,25	6,95	0,00	0,00	22,20	
203	720212	NGUYỄN GIA LÂM	Nam	11/12/2011	THCS Bình Minh	8,50	7,50	7,05	0,00	0,00	23,05	
204	720213	CAO NGỌC LIÊN	Nữ	18/02/2011	THCS Nam Cường	8,00	8,25	7,55	0,00	0,00	23,80	
205	020644	LÊ THỊ QUỲNH LIÊN	Nữ	27/03/2011	THCS Đồng Sơn	8,25	8,50	9,40	0,00	0,00	26,15	
206	720214	ĐINH NHẬT LINH	Nữ	07/10/2011	THCS Nam Cường	8,00	7,75	7,75	0,00	0,00	23,50	
207	720216	ĐOÀN KHÚC PHƯƠNG LINH	Nữ	15/09/2011	THCS Nam Giang	7,75	8,25	8,20	0,00	0,00	24,20	
208	720217	ĐOÀN NGỌC LINH	Nữ	03/06/2011	THCS Nam Giang	8,50	8,25	8,80	0,00	0,00	25,55	
209	720218	ĐOÀN PHƯƠNG LINH	Nữ	28/04/2011	THCS Nam Giang	7,50	7,75	8,05	0,00	0,00	23,30	
210	720219	HOÀNG KHÁNH LINH	Nữ	06/07/2011	THCS Hồng Quang	8,00	7,25	7,75	0,00	0,00	23,00	
211	720220	LẠI THỊ TRÚC LINH	Nữ	19/11/2011	THCS Nghĩa An	7,75	8,25	6,25	0,00	0,00	22,25	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
212	720221	LÊ NGUYỄN BẢO LINH	Nữ	01/05/2011	THCS Nam Giang	8,00	7,50	8,25	0,00	0,00	23,75	
213	021322	NGUYỄN HÀ LINH	Nữ	22/01/2011	THCS Nguyễn Hiền	9,00	8,75	8,10	0,00	0,00	25,85	
214	720222	NGUYỄN HOÀNG BẢO LINH	Nữ	08/09/2011	THCS Hồng Quang	8,25	7,50	8,20	0,00	0,00	23,95	
215	720223	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	14/01/2011	THCS Đồng Sơn	8,00	8,50	8,30	0,00	0,00	24,80	
216	720225	PHẠM THỊ THUỶ LINH	Nữ	01/01/2011	THCS Nam Giang	7,75	7,75	6,80	0,00	0,00	22,30	
217	720226	PHẠM THÙY LINH	Nữ	19/11/2011	THCS Đồng Sơn	8,50	7,00	7,80	0,00	0,00	23,30	
218	720227	TRẦN DIỆU LINH	Nữ	22/03/2011	THCS Nghĩa An	8,50	8,00	6,45	0,00	0,00	22,95	
219	720228	TRẦN PHƯƠNG LINH	Nữ	19/09/2011	THCS Nam Giang	8,00	7,25	6,10	0,00	0,00	21,35	
220	720229	TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	19/09/2011	THCS Nam Dương	8,25	8,25	8,25	0,00	0,00	24,75	
221	021090	TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	27/09/2011	THCS Nam Giang	9,25	8,25	9,10	0,00	0,00	26,60	
222	720230	VŨ HOÀNG LINH	Nữ	30/11/2011	THCS Nghĩa An	8,50	8,50	7,70	0,00	0,00	24,70	
223	720231	VŨ MAI LINH	Nữ	14/04/2011	THCS Nguyễn Hiền	9,00	8,25	8,55	0,00	0,00	25,80	
224	720232	VŨ PHƯƠNG LINH	Nữ	16/09/2011	THCS Nam Giang	7,50	6,75	7,75	0,00	0,00	22,00	
225	720233	VŨ PHƯƠNG LINH	Nữ	26/08/2011	THCS Nam Dương	8,50	8,25	7,20	0,00	0,00	23,95	
226	720234	VŨ THỊ KHÁNH LINH	Nữ	28/09/2011	THCS Nam Dương	7,75	7,75	6,75	0,00	0,00	22,25	
227	720235	VŨ THỊ KHÁNH LINH	Nữ	02/09/2011	THCS Đồng Sơn	8,50	8,50	8,05	0,00	0,00	25,05	
228	720236	NGUYỄN DUY LONG	Nam	08/09/2011	TH&THCS Nam Hùng	7,75	6,00	8,35	0,00	0,00	22,10	
229	020663	NGUYỄN THÀNH LUÂN	Nam	20/11/2011	THCS Nam Cường	7,75	7,50	8,80	0,00	0,00	24,05	
230	720239	ĐOÀN THỊ KHÁNH LY	Nữ	15/02/2011	THCS Nam Giang	9,25	7,25	6,60	0,00	0,00	23,10	
231	020319	HOÀNG PHƯƠNG LY	Nữ	07/08/2011	TH&THCS Nam Toàn	8,75	8,75	9,55	0,00	0,00	27,05	
232	720240	NGUYỄN THẢO LY	Nữ	21/01/2011	THCS Hồng Quang	7,25	7,50	6,50	0,00	0,00	21,25	
233	720242	VŨ KHÁNH LY	Nữ	23/06/2011	TH&THCS Nam Hùng	8,50	8,00	8,60	0,00	0,00	25,10	
234	720244	VŨ TRỊNH KHÁNH LY	Nữ	15/11/2011	THCS Nam Dương	8,50	7,50	8,40	0,00	0,00	24,40	
235	720245	CAO TUYẾT MAI	Nữ	25/12/2011	THCS Nam Cường	8,50	7,25	8,25	0,00	0,00	24,00	
236	720246	PHẠM THỊ MAI	Nữ	23/04/2011	THCS Hồng Quang	8,00	8,00	7,10	0,00	0,00	23,10	
237	720247	TỔNG THỊ XUÂN MAI	Nữ	04/12/2011	THCS Đồng Sơn	9,00	8,50	8,15	0,00	1,00	26,65	
238	720248	TRẦN THỊ QUỲNH MAI	Nữ	25/04/2011	THCS Nghĩa An	7,50	8,25	6,95	0,00	0,00	22,70	

(Handwritten signature and initials)

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
239	720249	VŨ HƯƠNG MAI	Nữ	10/07/2011	THCS Nam Giang	8,25	8,25	7,45	0,00	0,00	23,95	
240	720250	VŨ SAO MAI	Nữ	15/09/2011	THCS Nam Cường	8,50	7,75	8,85	0,00	0,00	25,10	
241	720251	BÙI ĐỨC MẠNH	Nam	22/10/2011	THCS Nam Cường	7,25	6,50	8,50	0,00	0,00	22,25	
242	720252	PHẠM ĐỨC MẠNH	Nam	28/03/2011	THCS Nguyễn Hiền	8,50	7,75	7,45	0,00	0,00	23,70	
243	720253	LÊ CÔNG MINH	Nam	05/11/2011	THCS Nghĩa An	8,50	8,25	8,05	0,00	0,00	24,80	
244	720254	NGUYỄN ĐỨC MINH	Nam	08/05/2011	THCS Hoàng Văn Thụ	7,25	7,75	6,20	0,00	0,00	21,20	
245	720255	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG MINH	Nữ	26/02/2011	THCS Nam Cường	8,50	8,50	7,75	0,00	0,00	24,75	
246	720256	NGUYỄN TIẾN MINH	Nam	21/12/2011	THCS Đồng Sơn	8,00	7,75	6,90	0,00	0,00	22,65	
247	720257	PHẠM HẢI MINH	Nam	19/10/2011	THCS Nguyễn Hiền	8,00	7,75	7,30	0,00	0,00	23,05	
248	720259	TỔNG HUỖNH MINH	Nam	04/01/2011	THCS Nam Giang	8,50	7,25	5,45	0,00	0,00	21,20	
249	720260	TRẦN NHẬT MINH	Nam	18/02/2011	THCS Nam Dương	8,50	8,50	9,05	0,00	0,00	26,05	
250	720261	VŨ QUANG MINH	Nam	03/07/2011	THCS Đồng Sơn	8,75	8,25	8,75	0,00	0,00	25,75	
251	020329	VŨ THỊ HẢI MINH	Nữ	23/01/2011	THCS Nam Dương	8,50	8,50	9,20	0,00	0,00	26,20	
252	720262	ĐẶNG THỊ DIỄM MY	Nữ	06/08/2011	THCS Nam Dương	8,25	8,75	9,10	0,00	0,00	26,10	
253	720263	HOÀNG DIỄM MY	Nữ	13/02/2011	THCS Nguyễn Hiền	8,75	8,75	8,30	0,00	0,00	25,80	
254	720264	PHAN THỊ TRÀ MY	Nữ	24/02/2011	THCS Nghĩa An	8,50	7,25	8,45	0,00	0,00	24,20	
255	720265	TÔ ĐOÀN HÀ MY	Nữ	01/06/2011	THCS Nam Cường	8,00	7,00	7,40	0,00	0,00	22,40	
256	720266	TÔ HÀ MY	Nữ	02/09/2011	THCS Nam Cường	8,00	7,50	8,30	0,00	0,00	23,80	
257	720267	VŨ TRÀ MY	Nữ	07/04/2011	THCS Bình Minh	9,50	9,00	9,15	0,00	0,00	27,65	
258	720268	PHẠM TRƯỜNG MỸ	Nữ	26/01/2011	THCS Nghĩa An	9,00	8,00	8,65	0,00	0,00	25,65	
259	720269	ĐOÀN MINH NAM	Nam	27/09/2011	THCS Nam Giang	8,25	7,25	8,90	0,00	0,00	24,40	
260	720271	ĐOÀN THỊ THANH NGA	Nữ	12/02/2011	THCS Bình Minh	9,50	9,00	9,55	0,00	0,00	28,05	
261	720272	MAI THÚY NGA	Nữ	21/08/2011	THCS Nghĩa An	8,50	8,00	8,25	0,00	0,00	24,75	
262	720273	NGUYỄN THỊ THÚY NGA	Nữ	11/03/2011	THCS Đồng Sơn	8,25	8,25	7,80	0,00	0,00	24,30	
263	720274	PHẠM THỊ HỒNG NGÁT	Nữ	13/07/2011	TH&THCS Nam Hùng	8,00	8,50	8,30	0,00	0,00	24,80	
264	720275	BÙI THỦY NGÂN	Nữ	03/04/2011	THCS Nam Dương	8,00	8,50	8,30	0,00	0,00	24,80	
265	720276	CAO KIM NGÂN	Nữ	01/11/2011	THCS Nam Cường	8,00	8,50	8,95	0,00	0,00	25,45	

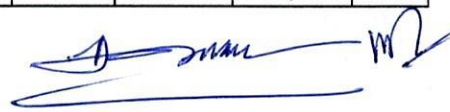
Handwritten signature and initials

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
266	720277	CÔ THỊ KIM NGÂN	Nữ	07/07/2011	THCS Đồng Sơn	9,50	9,00	9,05	0,00	0,00	27,55	
267	720278	ĐOÀN THỊ HÀ NGÂN	Nữ	15/04/2011	THCS Nghĩa An	8,50	7,00	7,50	0,00	0,00	23,00	
268	720279	ĐOÀN THỊ KIM NGÂN	Nữ	14/07/2011	THCS Nam Giang	9,00	8,00	9,05	0,00	0,00	26,05	
269	720280	MAI BẢO NGÂN	Nữ	10/01/2011	THCS Nam Cường	8,50	8,50	8,30	0,00	0,00	25,30	
270	720281	NGÔ PHƯƠNG NGÂN	Nữ	10/07/2011	THCS Đồng Sơn	8,50	8,50	8,30	0,00	1,00	26,30	
271	720282	VŨ HOÀNG NGÂN	Nữ	12/04/2011	THCS Nam Giang	8,00	8,00	6,70	0,00	0,00	22,70	
272	720283	VŨ THỊ KIM NGÂN	Nữ	19/03/2011	THCS Nam Cường	8,00	8,50	8,05	0,00	0,00	24,55	
273	720284	VŨ THỊ THÙY NGÂN	Nữ	15/01/2011	THCS Đồng Sơn	8,00	8,25	6,30	0,00	0,00	22,55	
274	720285	ĐỖ ĐẠI NGHĨA	Nam	02/05/2011	THCS Nghĩa An	8,50	8,00	8,30	0,00	0,00	24,80	
275	720286	TRẦN TRỌNG NGHĨA	Nam	15/01/2011	THCS Nam Giang	9,00	7,50	7,75	0,00	0,00	24,25	
276	720287	VŨ HUY NGHĨA	Nam	01/10/2011	THCS Nghĩa An	9,25	7,75	7,30	0,00	0,00	24,30	
277	720288	BÙI THỊ NGOAN	Nữ	23/01/2011	THCS Nam Dương	8,00	7,50	7,80	0,00	0,00	23,30	
278	720289	ĐOÀN HỒNG NGỌC	Nữ	06/04/2011	THCS Nam Cường	7,75	8,50	8,00	0,00	0,00	24,25	
279	720290	ĐOÀN MINH NGỌC	Nữ	30/05/2011	THCS Nam Cường	8,25	7,75	8,40	0,00	0,00	24,40	
280	720292	PHẠM THIÊN BẢO NGỌC	Nữ	01/06/2011	THCS Nam Dương	7,75	8,00	6,55	0,00	0,00	22,30	
281	720293	TRẦN BẢO NGỌC	Nữ	18/12/2011	THCS Bình Minh	8,50	9,00	8,40	0,00	0,00	25,90	
282	021113	TRẦN BÍCH NGỌC	Nữ	29/11/2011	THCS Nguyễn Hiền	9,50	8,50	8,80	0,00	0,00	26,80	
283	720295	TRẦN KHÁNH NGỌC	Nữ	13/04/2011	THCS Nam Cường	7,50	8,00	8,50	0,00	0,00	24,00	
284	720296	TRẦN THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	17/10/2011	THCS Nam Giang	8,00	7,75	6,70	0,00	0,00	22,45	
285	720297	ĐOÀN THỊ THẢO NGUYÊN	Nữ	17/11/2011	THCS Nam Giang	7,75	7,50	6,50	0,00	0,00	21,75	
286	720298	ĐỖ HOÀNG NGUYÊN	Nam	01/12/2011	THCS Nghĩa An	9,00	7,75	9,00	0,00	0,00	25,75	
287	020346	HOÀNG THẢO NGUYÊN	Nữ	21/10/2011	TH&THCS Nam Toàn	8,00	9,00	8,05	0,00	0,00	25,05	
288	720299	PHẠM BẢO NGUYÊN	Nam	20/05/2011	THCS Bình Minh	8,25	8,25	8,60	0,00	0,00	25,10	
289	720300	VŨ BẢO NGUYÊN	Nữ	03/11/2011	THCS Nam Dương	8,00	9,00	8,50	0,00	0,00	25,50	
290	720301	VŨ TRUNG NGUYÊN	Nam	08/09/2011	THCS Nghĩa An	8,00	7,75	8,75	0,00	0,00	24,50	
291	720302	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHÀI	Nữ	16/02/2011	THCS Nghĩa An	8,50	7,00	8,35	0,00	0,00	23,85	
292	720304	NGUYỄN QUANG NHẬT	Nam	27/01/2011	THCS Nam Cường	8,75	8,50	8,25	0,00	0,00	25,50	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
293	720305	ĐOÀN PHƯƠNG NHI	Nữ	27/01/2011	THCS Nam Cường	8,50	8,50	7,75	0,00	0,00	24,75	
294	720306	ĐOÀN THỰC NHI	Nữ	14/04/2011	THCS Nam Cường	7,50	7,75	8,50	0,00	0,00	23,75	
295	720307	ĐỖ THỊ UYÊN NHI	Nữ	06/12/2011	THCS Đồng Sơn	8,00	8,50	8,95	0,00	0,00	25,45	
296	720308	LÊ THÙY NHI	Nữ	27/09/2011	THCS Nam Giang	8,00	7,50	8,95	0,00	0,00	24,45	
297	720309	NGUYỄN KHÁNH NHI	Nữ	02/07/2011	THCS Nghĩa An	8,00	8,50	7,75	0,00	0,00	24,25	
298	720310	NGUYỄN PHƯƠNG NHI	Nữ	09/02/2011	THCS Hồng Quang	7,25	7,75	6,70	0,00	0,00	21,70	
299	720312	PHẠM LINH NHI	Nữ	04/08/2011	THCS Nam Giang	8,00	7,75	8,15	0,00	0,00	23,90	
300	720313	TRẦN THỊ YẾN NHI	Nữ	05/10/2011	THCS Hồng Quang	8,25	8,25	8,90	0,00	0,00	25,40	
301	720314	VŨ THỊ YẾN NHI	Nữ	19/02/2011	THCS Đồng Sơn	8,50	8,50	9,40	0,00	0,00	26,40	
302	720315	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	Nữ	17/01/2011	THCS Nam Cường	8,75	8,25	7,65	0,00	0,00	24,65	
303	720316	TÔ ÁNH NHUNG	Nữ	02/07/2011	THCS Nam Cường	8,00	8,75	7,30	0,00	0,00	24,05	
304	720317	TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	25/04/2011	THCS Nghĩa An	8,00	8,25	5,80	0,00	0,00	22,05	
305	020362	VŨ THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	13/04/2011	THCS Nam Dương	8,50	8,50	9,65	0,00	0,00	26,65	
306	021258	HOÀNG THỊ DIỆU OANH	Nữ	01/01/2011	THCS Nam Dương	7,75	8,25	9,45	0,00	0,00	25,45	
307	720318	LÊ THỊ KIM OANH	Nữ	10/02/2011	THCS Nam Cường	8,75	9,00	9,90	0,00	0,00	27,65	
308	720319	VŨ THỊ OANH	Nữ	17/10/2011	THCS Nghĩa An	7,75	9,00	7,45	0,00	0,00	24,20	
309	720320	NGUYỄN ĐỨC PHÁT	Nam	07/10/2011	THCS Nghĩa An	8,75	8,25	6,95	0,00	0,00	23,95	
310	720321	TRẦN MINH PHÁT	Nam	18/11/2011	THCS Bình Minh	8,25	8,00	5,35	0,00	0,00	21,60	
311	720322	TRẦN TRỌNG PHÁT	Nam	29/11/2011	THCS Nam Dương	8,50	8,25	9,05	0,00	0,00	25,80	
312	720323	VŨ TUẤN PHÁT	Nam	13/03/2011	THCS Nguyễn Hiền	8,50	7,25	8,80	0,00	0,00	24,55	
313	720324	CAO GIA PHONG	Nam	05/01/2011	THCS Nam Dương	9,00	7,75	9,30	0,00	0,00	26,05	
314	720325	ĐẶNG HOÀNG PHONG	Nam	10/02/2011	THCS Nghĩa An	8,50	8,50	7,05	0,00	0,00	24,05	
315	720327	ĐỖ TUẤN PHONG	Nam	09/08/2011	THCS Nam Giang	8,50	7,00	7,80	0,00	0,00	23,30	
316	720328	NGUYỄN TRUNG PHONG	Nam	18/02/2011	THCS Nghĩa An	8,75	7,25	6,15	0,00	0,00	22,15	
317	720329	TRẦN CHẤN PHONG	Nam	13/09/2011	THCS Nam Giang	8,00	7,25	7,75	0,00	0,00	23,00	
318	720330	TRẦN THANH PHONG	Nam	21/10/2011	THCS Nam Giang	8,75	7,25	7,85	0,00	0,00	23,85	
319	720331	TRẦN XUÂN PHONG	Nam	15/04/2011	THCS Nghĩa An	8,75	8,25	8,95	0,00	0,00	25,95	

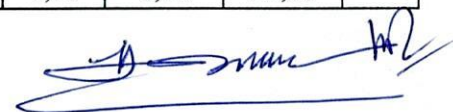
(Handwritten signature and initials)

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
320	720332	ĐINH LÊ THIÊN PHÚ	Nam	11/10/2011	THCS Nam Cường	8,00	7,25	7,80	0,00	0,00	23,05	
321	720333	BÙI MINH PHÚC	Nam	04/03/2011	THCS Nam Cường	8,75	8,50	9,00	0,00	0,00	26,25	
322	720334	ĐỖ HOÀNG PHÚC	Nam	04/08/2011	THCS Nam Giang	7,00	7,25	7,45	0,00	0,00	21,70	
323	720335	LÊ HOÀNG PHÚC	Nam	28/10/2011	THCS Nam Cường	8,50	7,25	9,35	0,00	0,00	25,10	
324	720336	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	Nam	17/11/2011	THCS Hồng Quang	8,50	8,25	8,25	0,00	0,00	25,00	
325	720337	NGUYỄN XUÂN PHÚC	Nam	26/12/2011	THCS Đồng Sơn	9,00	8,50	8,15	0,00	1,00	26,65	
326	720339	ĐOÀN THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	22/02/2011	THCS Nam Cường	8,00	8,00	6,95	0,00	0,00	22,95	
327	720340	ĐOÀN THỊ THÙY PHƯƠNG	Nữ	03/12/2011	THCS Nam Giang	8,25	7,50	6,60	0,00	0,00	22,35	
328	720341	LÊ THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	21/04/2011	THCS Nam Cường	8,50	8,75	8,50	0,00	0,00	25,75	
329	720342	LÊ THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	24/10/2011	THCS Nam Cường	9,50	9,00	8,45	0,00	0,00	26,95	
330	720343	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	Nữ	08/02/2011	THCS Đồng Sơn	8,25	9,25	7,75	0,00	0,00	25,25	
331	720344	PHẠM THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	26/04/2011	TH&THCS Nam Hùng	7,00	8,00	6,35	0,00	0,00	21,35	
332	720345	PHẠM THU PHƯƠNG	Nữ	02/09/2011	THCS Bình Minh	8,50	8,00	8,00	0,00	0,00	24,50	
333	720346	TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	11/11/2011	THCS Nam Giang	8,00	7,50	8,10	0,00	0,00	23,60	
334	720347	TRẦN THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	21/09/2011	THCS Nam Dương	8,50	9,00	8,05	0,00	0,00	25,55	
335	720348	VŨ MAI PHƯƠNG	Nữ	20/11/2011	THCS Nam Dương	8,25	8,25	8,60	0,00	0,00	25,10	
336	020131	VŨ THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	06/07/2011	THCS Đồng Sơn	9,00	8,50	7,85	0,00	0,00	25,35	
337	020376	VŨ THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	01/01/2011	THCS Nam Dương	8,25	9,25	8,55	0,00	0,00	26,05	
338	720349	VŨ THU PHƯƠNG	Nữ	08/05/2011	THCS Nam Dương	7,75	8,00	6,70	0,00	0,00	22,45	
339	720350	NGUYỄN KIM PHƯƠNG	Nữ	22/02/2011	THCS Nam Dương	7,75	9,00	7,45	0,00	0,00	24,20	
340	720352	ĐOÀN ĐỨC QUANG	Nam	26/07/2011	THCS Nam Giang	8,00	8,00	7,45	0,00	0,00	23,45	
341	720353	LẠI ĐẠI QUANG	Nam	07/02/2011	THCS Nghĩa An	8,00	8,00	5,25	0,00	0,00	21,25	
342	720354	BÙI ANH QUÂN	Nam	19/11/2011	THCS Nam Giang	8,50	6,75	6,75	0,00	0,00	22,00	
343	720355	ĐOÀN MẠNH QUÂN	Nam	02/08/2011	THCS Nam Dương	7,75	8,00	9,00	0,00	0,00	24,75	
344	720357	VŨ AN QUỐC	Nam	18/02/2011	THCS Nam Dương	8,00	8,25	6,60	0,00	0,00	22,85	
345	720358	VŨ TRỌNG QUỐC	Nam	26/02/2011	TH&THCS Nam Hùng	8,50	8,00	6,15	0,00	0,00	22,65	
346	720359	HOÀNG ĐÌNH QUYÊN	Nam	18/04/2011	TH&THCS Nam Toàn	8,50	8,25	6,85	0,00	0,00	23,60	



TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
347	720361	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	18/02/2011	THCS Bình Minh	8,25	8,75	8,10	0,00	0,00	25,10	
348	720362	PHẠM THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	29/11/2011	THCS Nam Dương	7,00	7,75	7,70	0,00	0,00	22,45	
349	720363	TRẦN NHƯ QUỲNH	Nữ	01/01/2011	THCS Nghĩa An	8,50	8,00	7,20	0,00	0,00	23,70	
350	720364	TRẦN NHƯ QUỲNH	Nữ	24/02/2011	THCS Đồng Sơn	8,50	7,75	8,00	0,00	0,00	24,25	
351	720366	VŨ THỊ QUỲNH	Nữ	27/07/2011	THCS Nam Dương	8,50	8,75	7,00	0,00	0,00	24,25	
352	720367	VŨ THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	01/12/2011	TH&THCS Nam Hùng	8,00	7,50	6,40	0,00	0,00	21,90	
353	720368	VŨ THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	15/02/2011	THCS Đồng Sơn	9,00	8,75	9,30	0,00	0,00	27,05	
354	720369	NGUYỄN TIẾN SANG	Nam	02/09/2011	THCS Nam Giang	8,50	7,50	7,65	0,00	0,00	23,65	
355	720370	TRẦN NGỌC SANG	Nam	07/07/2011	THCS Nghĩa An	9,00	8,75	9,10	0,00	0,00	26,85	
356	720371	VŨ VIỆT SAO	Nam	22/01/2011	THCS Nam Giang	8,50	6,75	7,90	0,00	0,00	23,15	
357	720373	NGUYỄN ANH SƠN	Nam	01/11/2011	THCS Nam Giang	7,25	8,00	6,75	0,00	0,00	22,00	
358	020137	PHÙNG NGỌC SƠN	Nam	09/06/2011	THCS Nam Cường	9,50	8,00	8,00	0,00	0,00	25,50	
359	720374	NGUYỄN QUANG SỸ	Nam	14/03/2011	THCS Nam Giang	8,50	7,50	8,30	0,00	0,00	24,30	
360	720376	TRẦN XUÂN TUẤN TÀI	Nam	19/08/2011	THCS Nghĩa An	8,25	7,75	7,30	0,00	0,00	23,30	
361	720378	VŨ ĐOÀN ANH TÀI	Nam	01/01/2011	THCS Nam Dương	7,50	8,25	8,15	0,00	0,00	23,90	
362	720379	VŨ ĐỨC TÀI	Nam	01/08/2011	THCS Hồng Quang	7,50	7,00	8,10	0,00	0,00	22,60	
363	720381	ĐOÀN THANH TÂM	Nữ	07/09/2011	THCS Nam Giang	8,00	8,50	9,15	0,00	0,00	25,65	
364	720382	TRẦN VĂN TÂN	Nam	27/06/2011	THCS Nam Giang	8,50	7,75	7,90	0,00	0,00	24,15	
365	720383	VŨ TIẾN TÂN	Nam	06/01/2011	THCS Nam Cường	8,50	8,00	8,75	0,00	0,00	25,25	
366	720384	NGUYỄN VĂN TẤN	Nam	07/07/2011	THCS Hồng Quang	8,25	8,00	7,15	0,00	0,00	23,40	
367	720385	LƯƠNG ANH THÁI	Nam	16/03/2011	THCS Đồng Sơn	8,00	8,00	7,90	0,00	0,00	23,90	
368	720387	ĐỖ PHƯƠNG THANH	Nữ	18/07/2011	THCS Nam Giang	8,00	8,00	8,85	0,00	0,00	24,85	
369	720388	NGUYỄN DIỆU THANH	Nữ	09/11/2011	THCS Nam Dương	8,00	8,00	8,00	0,00	0,00	24,00	
370	720389	PHẠM YẾN THANH	Nữ	11/12/2011	THCS Nam Dương	8,25	9,00	8,35	0,00	0,00	25,60	
371	720390	CAO TẮT THÀNH	Nam	06/06/2011	THCS Nam Cường	8,25	8,75	7,60	0,00	0,00	24,60	
372	720391	ĐOÀN VŨ ĐỨC THÀNH	Nam	25/08/2011	THCS Nam Giang	7,75	7,00	7,80	0,00	0,00	22,55	
373	720392	TRẦN KHẮC THÀNH	Nam	21/05/2011	THCS Nam Giang	7,75	7,25	8,50	0,00	0,00	23,50	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
374	720393	ĐOÀN PHƯƠNG THẢO	Nữ	06/04/2011	THCS Nam Cường	8,50	9,00	8,50	0,00	0,00	26,00	
375	720395	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	Nữ	08/01/2011	THCS Nam Cường	8,50	7,75	8,75	0,00	0,00	25,00	
376	720396	MAI HOÀNG PHƯƠNG THẢO	Nữ	22/12/2011	THCS Nghĩa An	8,50	8,00	8,75	0,00	0,00	25,25	
377	720397	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	25/10/2011	THCS Nam Dương	8,50	8,25	8,50	0,00	0,00	25,25	
378	720398	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	02/10/2011	THCS Đồng Sơn	8,50	9,00	9,20	0,00	0,00	26,70	
379	720399	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Nữ	08/04/2011	THCS Đồng Sơn	8,25	9,00	7,30	0,00	0,00	24,55	
380	720400	NGUYỄN THU THẢO	Nữ	24/06/2011	THCS Đồng Sơn	8,25	8,50	6,70	0,00	0,00	23,45	
381	720401	PHẠM VŨ PHƯƠNG THẢO	Nữ	05/05/2011	THCS Nguyễn Hiền	8,25	7,75	8,75	0,00	0,00	24,75	
382	720402	TẠ PHƯƠNG THẢO	Nữ	18/04/2011	THCS Nam Tiến	9,25	7,50	8,85	0,00	0,00	25,60	
383	720403	VŨ THANH THẢO	Nữ	09/04/2011	THCS Đồng Sơn	8,25	9,00	7,85	0,00	0,00	25,10	
384	720406	MAI ĐÌNH THẮNG	Nam	01/03/2011	THCS Nghĩa An	8,25	8,00	8,30	0,00	0,00	24,55	
385	020146	NGUYỄN QUANG THẮNG	Nam	05/06/2011	THCS Đồng Sơn	9,25	8,00	8,70	0,00	0,00	25,95	
386	720407	PHẠM ĐỨC THẮNG	Nam	15/09/2011	THCS Bình Minh	9,00	8,00	8,75	0,00	0,00	25,75	
387	720408	VŨ TRẦN VIỆT THẮNG	Nam	23/10/2011	THCS Nam Dương	7,25	8,25	7,95	0,00	0,00	23,45	
388	720409	PHẠM KHÁNH THỊ	Nữ	09/10/2011	THCS Nam Dương	8,25	8,00	7,50	0,00	0,00	23,75	
389	720410	ĐOÀN TÂN THỊNH	Nam	22/10/2011	THCS Nam Giang	8,00	8,00	6,45	0,00	0,00	22,45	
390	021350	NGUYỄN ANH THƠ	Nữ	27/08/2011	THCS Nghĩa An	8,50	7,75	7,50	0,00	0,00	23,75	
391	720412	TRẦN THỊ ANH THƠ	Nữ	24/05/2011	THCS Bình Minh	7,75	8,25	6,45	0,00	0,00	22,45	
392	720413	TRẦN THỊ ANH THƠ	Nữ	01/09/2011	THCS Nam Dương	8,50	8,00	8,40	0,00	0,00	24,90	
393	720414	NGUYỄN THỊ THƠM	Nữ	20/04/2011	THCS Nghĩa An	8,50	7,00	6,25	0,00	0,00	21,75	
394	720418	CAO THỊ PHƯƠNG THÙY	Nữ	02/01/2011	THCS Nam Dương	8,00	8,50	8,65	0,00	0,00	25,15	
395	720419	PHẠM THANH THÙY	Nữ	30/01/2011	TH&THCS Nam Hùng	8,00	8,50	7,40	0,00	0,00	23,90	
396	720420	VŨ THỊ THÙY	Nữ	17/09/2011	THCS Nam Dương	7,50	7,75	7,50	0,00	0,00	22,75	
397	020152	ĐÀM DIỆU THÙY	Nữ	11/10/2011	THCS Nguyễn Hiền	9,00	8,50	8,60	0,00	0,00	26,10	
398	720421	ĐOÀN THỊ THÙY	Nữ	29/05/2011	THCS Nam Giang	8,50	7,00	7,15	0,00	0,00	22,65	
399	720422	TỔNG THU THỦY	Nữ	16/03/2011	THCS Đồng Sơn	8,25	8,50	7,15	0,00	0,00	23,90	
400	720424	TRẦN THỊ THỦY	Nữ	07/01/2011	THCS Nghĩa An	7,25	8,00	7,05	0,00	0,00	22,30	



TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
401	720425	VŨ THU THỦY	Nữ	25/09/2011	THCS Nguyễn Hiền	9,00	8,50	8,50	0,00	0,00	26,00	
402	720426	PHẠM THANH THÚY	Nữ	27/07/2011	THCS Nam Dương	8,00	8,50	7,10	0,00	0,00	23,60	
403	720427	TRẦN THỊ THANH THÚY	Nữ	01/11/2011	THCS Nghĩa An	8,50	8,25	5,20	0,00	0,00	21,95	
404	720428	VŨ THANH THÚY	Nữ	27/02/2011	THCS Nghĩa Thịnh	8,75	8,50	8,80	0,00	0,00	26,05	
405	720429	VŨ THỊ MINH THÚY	Nữ	06/12/2011	THCS Nam Dương	8,25	8,50	7,90	0,00	0,00	24,65	
406	720430	BÙI ANH THU'	Nữ	15/01/2011	THCS Đồng Sơn	7,75	9,00	7,40	0,00	0,00	24,15	
407	720431	ĐỖ MINH THU'	Nữ	17/08/2011	TH&THCS Nam Toàn	7,75	8,00	8,70	0,00	0,00	24,45	
408	720432	NGUYỄN ANH THU'	Nữ	03/09/2011	THCS Nghĩa An	8,25	8,25	7,05	0,00	0,00	23,55	
409	720433	NGUYỄN THỊ ANH THU'	Nữ	26/05/2011	THCS Nghĩa An	9,00	8,50	9,20	0,00	0,00	26,70	
410	720434	NGUYỄN THỊ MINH THU'	Nữ	11/08/2011	THCS Nam Cường	8,50	8,75	9,10	0,00	0,00	26,35	
411	720435	PHẠM THỊ HOÀI THU'	Nữ	09/04/2011	THCS Nguyễn Hiền	8,50	8,75	8,95	0,00	0,00	26,20	
412	720436	TRẦN MINH THU'	Nữ	29/09/2011	THCS Đồng Sơn	7,75	8,50	8,30	0,00	0,00	24,55	
413	720437	PHẠM MINH THỨC	Nam	18/01/2011	THCS Nam Dương	9,00	8,75	8,75	0,00	0,00	26,50	
414	720438	LÊ THỊ HOÀI THƯƠNG	Nữ	07/12/2011	THCS Nam Cường	8,50	9,00	7,75	0,00	0,00	25,25	
415	720439	ĐỐI THỦY TIÊN	Nữ	26/09/2011	THCS Đồng Sơn	7,25	8,00	7,15	0,00	0,00	22,40	
416	720443	TRẦN THỊ TÌNH	Nữ	03/06/2011	THCS Nam Giang	8,50	8,25	8,25	0,00	0,00	25,00	
417	720444	ĐỖ KHÁNH TOÀN	Nam	26/05/2011	THCS Nghĩa An	8,50	8,50	8,15	0,00	0,00	25,15	
418	720445	NGUYỄN LÊ THÀNH TÔN	Nam	04/06/2011	THCS Nam Dương	8,50	9,00	7,80	0,00	0,00	25,30	
419	720446	ĐOÀN THỊ THANH TRÀ	Nữ	21/09/2011	THCS Nam Giang	7,50	7,75	8,25	0,00	0,00	23,50	
420	720447	CAO THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	02/10/2011	THCS Nam Giang	7,75	8,00	5,90	0,00	0,00	21,65	
421	720448	CAO THỊ MINH TRANG	Nữ	31/07/2011	THCS Nam Giang	7,50	7,50	8,75	0,00	0,00	23,75	
422	720449	ĐOÀN MINH TRANG	Nữ	07/04/2011	THCS Nguyễn Hiền	8,25	8,25	8,05	0,00	0,00	24,55	
423	720450	LÊ HÀ TRANG	Nữ	05/10/2011	TH&THCS Nam Toàn	8,50	8,25	8,40	0,00	0,00	25,15	
424	720451	LÊ THỊ MINH TRANG	Nữ	01/12/2011	THCS Nam Cường	8,00	8,75	7,95	0,00	0,00	24,70	
425	720453	TÔ HUYỀN TRANG	Nữ	15/07/2011	THCS Hồng Quang	8,25	8,50	8,20	0,00	0,00	24,95	
426	720454	TRẦN BẢO TRANG	Nữ	27/06/2011	THCS Nam Giang	8,25	7,75	7,80	0,00	0,00	23,80	
427	720455	TRẦN THỊ THỦY TRANG	Nữ	10/02/2011	THCS Nam Giang	8,75	8,25	7,30	0,00	0,00	24,30	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
428	720456	VŨ HUYỀN TRANG	Nữ	19/09/2011	THCS Nam Dương	7,75	7,00	7,00	0,00	0,00	21,75	
429	720457	VŨ HUYỀN TRANG	Nữ	25/02/2011	THCS Đồng Sơn	8,50	8,50	7,90	0,00	0,00	24,90	
430	720458	VŨ NGUYỄN THẢO TRANG	Nữ	30/04/2011	THCS Hồng Quang	9,50	8,50	8,75	0,00	0,00	26,75	
431	720459	VŨ THỊ KIỀU TRANG	Nữ	30/06/2011	THCS Đồng Sơn	8,00	8,50	8,25	0,00	0,00	24,75	
432	720460	VŨ THỊ MAI TRANG	Nữ	20/02/2011	THCS Nam Giang	8,50	8,00	8,00	0,00	0,00	24,50	
433	720461	VŨ THỊ MAI TRANG	Nữ	05/12/2011	THCS Đồng Sơn	8,25	8,75	9,05	0,00	0,00	26,05	
434	720462	VŨ THU TRANG	Nữ	08/07/2011	THCS Hồng Quang	8,50	8,50	8,10	0,00	0,00	25,10	
435	720463	VŨ THU TRANG	Nữ	03/08/2011	THCS Hồng Quang	8,00	8,25	7,95	0,00	0,00	24,20	
436	720464	NGUYỄN BẢO TRÂM	Nữ	09/09/2011	THCS Bình Minh	8,50	7,50	7,65	0,00	0,00	23,65	
437	720466	PHẠM NHẬT BẢO TRÂM	Nữ	14/08/2011	THCS Nam Giang	7,75	8,00	5,85	0,00	0,00	21,60	
438	720467	PHẠM THỊ BẢO TRÂN	Nữ	20/05/2011	THCS Nam Dương	8,00	8,00	7,90	0,00	0,00	23,90	
439	720468	NGUYỄN QUỐC TRIỆU	Nam	01/02/2011	THCS Nam Dương	8,00	8,50	6,10	0,00	0,00	22,60	
440	720469	ĐỐI QUỐC TRÌNH	Nam	21/07/2011	THCS Đồng Sơn	7,50	8,50	5,75	0,00	0,00	21,75	
441	720470	LÊ VĂN TRỌNG	Nam	15/04/2011	THCS Đồng Sơn	8,00	9,00	7,75	0,00	0,00	24,75	
442	720472	ĐỖ THANH TRÚC	Nữ	26/01/2011	THCS Nghĩa An	6,50	8,75	7,30	0,00	0,00	22,55	
443	720473	HOÀNG PHẠM THANH TRÚC	Nữ	30/07/2011	THCS Nghĩa An	8,00	8,50	6,35	0,00	0,00	22,85	
444	720474	TRẦN THANH TRÚC	Nữ	22/09/2011	THCS Nam Giang	9,00	8,25	8,35	0,00	0,00	25,60	
445	720475	ĐẶNG VIỆT TRUNG	Nam	05/07/2011	THCS Nam Giang	8,00	8,25	6,10	0,00	0,00	22,35	
446	720476	ĐOÀN THÀNH TRUNG	Nam	03/02/2011	THCS Nam Giang	9,00	8,25	8,55	0,00	0,00	25,80	
447	720477	HOÀNG VĂN TRUNG	Nam	25/04/2011	THCS Đồng Sơn	7,50	8,50	8,35	0,00	0,00	24,35	
448	720478	LƯU THÀNH TRUNG	Nam	12/11/2011	THCS Nam Dương	8,00	7,25	6,45	0,00	0,00	21,70	
449	720481	TRẦN MẠNH TRƯỜNG	Nam	22/08/2011	THCS Nghĩa An	8,50	7,75	9,20	0,00	0,00	25,45	
450	720483	ĐOÀN TUẤN TỬ	Nam	09/01/2010	TH&THCS Nam Hùng	8,50	7,50	7,95	0,00	0,00	23,95	
451	020754	TRẦN ANH TỬ	Nam	02/09/2011	THCS Nguyễn Hiền	8,75	8,75	9,80	0,00	0,00	27,30	
452	720486	ĐOÀN ANH TUẤN	Nam	05/03/2011	THCS Nghĩa An	8,50	7,50	6,10	0,00	0,00	22,10	
453	720487	PHẠM MINH TUẤN	Nam	29/10/2011	THCS Nam Dương	7,00	7,75	7,20	0,00	0,00	21,95	
454	720489	VŨ ANH TUẤN	Nam	21/10/2011	THCS Đồng Sơn	8,00	7,50	7,30	0,00	0,00	22,80	

(Handwritten signature)

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
455	720490	VŨ MINH TUẤN	Nam	21/04/2011	THCS Nam Giang	9,00	7,75	9,05	0,00	0,00	25,80	
456	720491	LẠI VĂN TÙNG	Nam	05/03/2011	THCS Nam Cường	8,50	9,00	8,55	0,00	0,00	26,05	
457	720492	PHAN BÁCH TÙNG	Nam	26/05/2011	THCS Nam Cường	8,50	8,50	8,55	0,00	0,00	25,55	
458	720493	ĐOÀN THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	25/07/2011	THCS Nam Giang	8,50	8,50	7,55	0,00	0,00	24,55	
459	720494	NGUYỄN ÁNH TUYẾT	Nữ	21/09/2011	THCS Nam Tiến	8,50	8,50	7,90	0,00	0,00	24,90	
460	720496	NGUYỄN THỊ TƯƠI	Nữ	01/03/2011	THCS Bình Minh	9,00	8,50	8,70	0,00	0,00	26,20	
461	720497	ĐOÀN THỊ THU UYÊN	Nữ	23/03/2011	THCS Nam Giang	7,75	8,25	6,50	0,00	0,00	22,50	
462	720498	VŨ BẢO UYÊN	Nữ	13/08/2011	THCS Nam Giang	8,00	7,75	8,60	0,00	0,00	24,35	
463	720499	VŨ BẢO UYÊN	Nữ	27/01/2011	THCS Nghĩa An	8,50	7,50	7,70	0,00	0,00	23,70	
464	720500	VŨ NGUYỄN THỰC UYÊN	Nữ	22/11/2011	THCS Nghĩa An	8,50	8,00	5,85	0,00	0,00	22,35	
465	720501	NGUYỄN THỊ VÂN	Nữ	16/03/2011	THCS Nam Giang	8,50	7,75	8,50	0,00	0,00	24,75	
466	720502	TÔ LINH VÂN	Nữ	30/05/2011	THCS Nam Giang	8,50	7,25	9,15	0,00	0,00	24,90	
467	020978	VŨ ĐỨC VĂN	Nam	17/04/2011	THCS Nguyễn Hiền	9,50	8,00	8,30	0,00	0,00	25,80	
468	720503	TRẦN THỊ TƯỜNG VI	Nữ	18/08/2011	THCS Nam Dương	8,50	8,50	7,35	0,00	0,00	24,35	
469	020759	ĐOÀN HOÀNG VIỆT	Nam	23/10/2011	THCS Nam Giang	8,75	8,75	9,80	0,00	0,00	27,30	
470	720504	VŨ QUỐC VIỆT	Nam	25/01/2011	THCS Nam Dương	8,00	8,25	8,15	0,00	0,00	24,40	
471	720505	VŨ QUỐC VIỆT	Nam	16/08/2011	THCS Nam Dương	8,00	8,00	7,05	0,00	0,00	23,05	
472	720506	NGUYỄN PHÚC VINH	Nam	20/11/2011	THCS Hồng Quang	8,25	7,25	8,50	0,00	0,00	24,00	
473	720507	LÊ VŨ QUỐC VƯỢNG	Nam	13/10/2011	TH&THCS Nam Hùng	7,25	8,00	6,30	0,00	0,00	21,55	
474	720508	TRẦN VĂN VƯỢNG	Nam	17/11/2011	THCS Nam Giang	8,00	6,75	6,45	0,00	0,00	21,20	
475	720509	BÙI YẾN VY	Nữ	10/01/2011	THCS Nam Giang	8,50	8,25	8,75	0,00	0,00	25,50	
476	720510	MAI THỊ BẢO VY	Nữ	02/10/2011	THCS Nam Cường	9,00	9,00	9,20	0,00	0,00	27,20	
477	720511	PHẠM KHÁNH VY	Nữ	29/03/2011	THCS Nghĩa An	8,50	8,50	6,50	0,00	0,00	23,50	
478	720512	TÔ THỊ THẢO VY	Nữ	13/04/2011	THCS Nguyễn Hiền	8,75	8,50	8,55	0,00	0,00	25,80	
479	720514	ĐOÀN THANH XUÂN	Nữ	05/06/2011	THCS Nam Cường	8,50	8,00	8,70	0,00	0,00	25,20	
480	720515	ĐOÀN HẢI YÊN	Nữ	27/06/2011	THCS Nam Cường	7,50	8,25	6,80	0,00	0,00	22,55	
481	020766	VŨ KHẮC HÙNG YÊN	Nam	27/04/2011	THCS Nam Dương	7,00	8,75	9,45	0,00	0,00	25,20	

[Handwritten signature and initials]

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
482	021182	BÙI BẢO YẾN	Nữ	18/11/2011	THCS Nam Giang	9,00	8,75	8,75	0,00	0,00	26,50	
483	720516	ĐINH HẢI YẾN	Nữ	19/01/2011	THCS Nam Cường	8,50	8,50	8,65	0,00	0,00	25,65	
484	720517	ĐOÀN HẢI YẾN	Nữ	27/06/2011	THCS Nam Cường	7,25	8,50	5,95	0,00	0,00	21,70	
485	720518	ĐỖ THỊ BẢO YẾN	Nữ	02/08/2011	THCS Nghĩa An	8,50	8,50	7,95	0,00	0,00	24,95	
486	720521	TRẦN THỊ HẢI YẾN	Nữ	18/03/2011	THCS Nam Dương	8,25	8,75	8,95	0,00	0,00	25,95	

Danh sách này gồm 486 học sinh được công nhận trúng tuyển vào lớp 10 THPT năm học 2026-2027 theo điểm xét tuyển, có điểm xét tuyển từ 21,20 trở lên và bảo đảm các điều kiện, tiêu chí khác theo quy định.

Danh sách này gồm 19 trang./.

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT
NAM TRỰC**



**HIỆU TRƯỞNG
ĐÀO VĂN DUẬN**

PHÒNG GIÁO DỤC TRUNG HỌC

Đỗ Thị Hồng Bình

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**PHÓ GIÁM ĐỐC
BÙI VĂN KHIẾT**

Đỗ Thị Hồng Bình